

Cao Bằng, ngày 06 tháng 6 năm 2022

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 3 (Nguyên Bình)

Phần A.V,VI - Nội dung cơ bản của CNXHKH và Nhận thức về CNXHKH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

Ngày thi: 23/5/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Thị Ngọc Anh	7.00	Bảy	41	Đặng Thị Lịch	7.25	Bảy phẩy hai năm
2	Lương Thị Kim Cúc	7.00	Bảy	42	Hoàng Thị Liên	8.00	Tám
3	Ngô Đức Chính	6.25	Sáu phẩy hai năm	43	Hà Thị Hồng Linh	7.25	Bảy phẩy hai năm
4	Nguyễn Văn Chuyên	5.75	Năm phẩy bảy năm	44	Bàn Thị Lưu	7.00	Bảy
5	Triệu Thị Diệp	6.00	Sáu	45	Tô Thị Mến	7.75	Bảy phẩy bảy năm
6	Nguyễn Thị Thu Dung	7.00	Bảy	46	Hoàng Lê Miên	7.25	Bảy phẩy hai năm
7	Hoàng Kim Dung	7.00	Bảy	47	Bế Thị Lê Na	8.00	Tám
8	Hoàng Thị Dung	7.25	Bảy phẩy hai năm	48	Chu Thị Nải	6.75	Sáu phẩy bảy năm
9	Hoàng Anh Dũng	8.00	Tám	49	Hoàng Thị Nét	7.25	Bảy phẩy hai năm
10	Hoàng Thị Duyên	6.50	Sáu phẩy năm	50	Diêu Thị Nga	7.50	Bảy phẩy năm
11	Lê Thị Diệp	8.00	Tám	51	Triệu Thị Nga	8.00	Tám
12	Nông Văn Giang	7.50	Bảy phẩy năm	52	Hoàng Thị Nga	7.00	Bảy
13	Nông Đức Giáp	8.00	Tám	53	Hoàng Minh Nga	7.25	Bảy phẩy hai năm
14	Nông Thị Gióng	6.50	Sáu phẩy năm	54	Chu Thị Ngân	6.00	Sáu
15	Tô Hồng Hạnh	6.50	Sáu phẩy năm	55	Triệu Kim Ngân	7.50	Bảy phẩy năm
16	Nông Thị Hằng	7.75	Bảy phẩy bảy năm	56	Nông Thị Ngân	7.00	Bảy
17	Nông Thu Hằng	7.00	Bảy	57	Lương Thị Ngọc	7.25	Bảy phẩy hai năm
18	Đàm Thị Thúy Hằng	7.75	Bảy phẩy bảy năm	58	Hoàng Thị Nha	7.50	Bảy phẩy năm
19	Nông Thị Hân	7.25	Bảy phẩy hai năm	59	Lương Thị Phượng	7.50	Bảy phẩy năm
20	Đặng Thu Hiền	8.25	Tám phẩy hai năm	60	Lê Thị Phượng	7.50	Bảy phẩy năm
21	Đinh Ích Hiếu	8.00	Tám	61	Ma Thị Quyên	7.50	Bảy phẩy năm
22	Đào Thị Hoa	7.50	Bảy phẩy năm	62	Lê Đăng Tiến	7.00	Bảy

ĐH

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Chu Thị Hoàn	8.00	Tám	63	Bé Quang Tiến	6.25	Sáu phẩy hai năm
24	Cung Lê Hoàng	7.00	Bảy	64	Vi Hữu Toàn	7.25	Bảy phẩy hai năm
25	Nông Thị Hồng	8.25	Tám phẩy hai năm	65	Hà Quốc Toàn	7.00	Bảy
26	Đình Văn Huấn	8.00	Tám	66	Hoàng Thị Thanh Tuyền	7.25	Bảy phẩy hai năm
27	Triệu Ngọc Huấn	7.25	Bảy phẩy hai năm	67	Hà Thị Tuyết	7.25	Bảy phẩy hai năm
28	Phương Quốc Huy	8.00	Tám	68	Hà Văn Tuynh	7.50	Bảy phẩy năm
29	Đình Thị Thu Huyền	8.00	Tám	69	Trương Thị Mai Thanh	7.25	Bảy phẩy hai năm
30	Nguyễn Thị Minh Huyền	7.00	Bảy	70	Bàn Văn Thắng	6.50	Sáu phẩy năm
31	Tạ Thu Huyền	7.00	Bảy	71	Nông Thị Bích Thu	8.00	Tám
32	Đàm Thị Hương	7.50	Bảy phẩy năm	72	Lương Thị Thùy	6.75	Sáu phẩy bảy năm
33	Nguyễn Thanh Hường	7.50	Bảy phẩy năm	73	Nguyễn Thị Thúy	6.25	Sáu phẩy hai năm
34	Hoàng Thị Hường	7.00	Bảy	74	Bàn Phúc Thượng	6.00	Sáu
35	Lương Xuân Hường	8.00	Tám	75	Lương Văn Trinh	5.75	Năm phẩy bảy năm
36	Nông Văn Khởi	7.25	Bảy phẩy hai năm	76	Lý Ngọc Trinh	6.75	Sáu phẩy bảy năm
37	Hoàng Thị Lan	7.75	Bảy phẩy bảy năm	77	Nông Thị Uyên	7.25	Bảy phẩy hai năm
38	Lương Thị Lan	7.25	Bảy phẩy hai năm	78	Phạm Thị Hồng Việt	7.25	Bảy phẩy hai năm
39	Hà Hồng Lan	7.00	Bảy	79	Chu Thị Yên	7.25	Bảy phẩy hai năm
40	Dương Văn Lành	6.50	Sáu phẩy năm				

Điểm 5.75: 02 điểm; Điểm 6.00: 03 điểm; Điểm 6.25: 03 điểm; Điểm 6.50: 05 điểm; Điểm 6.75: 03 điểm; Điểm 7.00: 15 điểm; Điểm 7.25: 18 điểm; Điểm 7.50: 11 điểm; Điểm 7.75: 04 điểm; Điểm 8.00: 13 điểm; Điểm 8.25: 02 điểm./.

**GHI ĐIỂM PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

ĐHL

ĐHL



Đoàn Thị Kim Liên

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa